

**CÔNG TY TNHH GOSE GLOBAL**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH GOSE GLOBAL

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110038239

**3. Ngày thành lập:** 22/06/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Thôn Thụy , Xã Đồng Tháp, Huyện Đan Phượng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0982357069

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                 | Mã ngành |
|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4322     |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác<br>Chi tiết: -Lắp đặt hệ thống thiết bị công trình nhà và công trình xây dựng khác + Thang máy, thang cuốn + cửa cuốn, cửa tự động + dây dẫn chống sét + hệ thống hút bụi + hệ thống âm thanh + hệ thống cách âm, cách nhiệt, chống rung                                                                                                   | 4329     |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            | 4330     |
| 4.  | Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa<br>Chi tiết: -Đại lý bán hàng hóa<br>( trừ đấu giá hàng hóa)                                                                                                                                                                                                                                                                           | 4610     |
| 5.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: - Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng                                                                                                                                                                                                                                           | 4659     |
| 6.  | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết: -Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi -Bán buôn kính xây dựng -Bán buôn sơn, vécni -Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh -Bán buôn đồ ngũ kim -Bán buôn ống nối, khớp nối và chi tiết lắp ghép khác; -Bán buôn thiết bị lắp đặt vệ sinh: ống, ống dẫn, khớp nối, vòi, cút chữ T, ống cao su,... | 4663     |
| 7.  | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Bán buôn hoá chất công nghiệp như: mực in, tinh dầu, khí công nghiệp, keo hoá học, chất màu, nhựa tổng hợp, methanol, parafin, dầu thơm và hương liệu                                                                                                                                                    | 4669     |
| 8.  | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: -Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                                                                      | 8299     |

|     |                                                                                                                                                                            |             |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 9.  | Quảng cáo<br>(trừ quảng cáo thuốc lá)                                                                                                                                      | 7310        |
| 10. | Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận<br>(không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin nhà nước cấm)                                                                     | 7320        |
| 11. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                    | 1622        |
| 12. | Sản xuất hoá chất cơ bản<br>(trừ các loại hóa chất nhà nước cấm, không hoạt động tại trụ sở)                                                                               | 2011        |
| 13. | Sản xuất sơn, véc ni và các chất sơn, quét tương tự; sản xuất mực in và ma tít                                                                                             | 2022        |
| 14. | Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: - Sản xuất chất phụ gia cho bê tông                                                                    | 2029(Chính) |
| 15. | Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ bê tông, xi măng và thạch cao                                                                                                          | 2395        |
| 16. | Sản xuất các thiết bị nâng, hạ và bốc xếp                                                                                                                                  | 2816        |
| 17. | Sản xuất máy khai thác mỏ và xây dựng                                                                                                                                      | 2824        |
| 18. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                        | 4931        |
| 19. | Vận tải hành khách đường bộ khác<br>Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe ô tô tuyến cố định - Kinh doanh vận tải hành khách bằng xe taxi                      | 4932        |
| 20. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                             | 4933        |
| 21. | Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển                                                                                             | 7730        |
| 22. | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                                                                                                                    | 3320        |
| 23. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                          | 4101        |
| 24. | Phá dỡ                                                                                                                                                                     | 4311        |
| 25. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(Không bao gồm dò mìn, nổ mìn và hoạt động khác tương tự tại mặt bằng xây dựng)                                                                       | 4312        |
| 26. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: -Bán lẻ sơn, màu, véc ni trong các cửa hàng chuyên doanh | 4752        |

**6. Vốn điều lệ:** 9.000.000.000 VNĐ

**7. Danh sách thành viên góp vốn:**

| STT | Tên thành viên    | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------|------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | NGUYỄN ĐỨC PHƯƠNG | Việt Nam  | Xóm Ưông, Xã Kim Thái, Huyện Vụ Bản, Tỉnh Nam Định, Việt Nam           | 4.500.000.000         | 50,000    | 036085011620                                                                                            |         |
| 2   | NGUYỄN QUANG TOÀN | Việt Nam  | Nguyên Xá 3, Xã An Hiệp, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam     | 4.500.000.000         | 50,000    | 034082010838                                                                                            |         |

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: NGUYỄN QUANG TOÀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 30/09/1982

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034082010838

Ngày cấp: 07/09/2018

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Địa chỉ thường trú: Nguyên Xá 3, Xã An Hiệp, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Nguyên Xá 3, Xã An Hiệp, Huyện Quỳnh Phụ, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội